

Bản án số: 55/2024/DS- PT
Ngày 29 tháng 3 năm 2024
“V/v tranh chấp chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Mạnh;

Bà Phạm Thị Thúy Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Hg Thị Tuyết-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2024/QĐ - PT ngày 05 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *N1 đơn:* Ông Lê Văn O, sinh năm 1966; (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn V, sinh năm 1965; (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Văn H, sinh năm 1963; (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Bà Trần Thị N, sinh năm 1977; (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Chị Lê Thị G, sinh năm 1996; (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Lê Văn N1, sinh năm 1998; (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Chị Đào Ngọc T, sinh năm 2003; (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Bà Lê Ngọc Y, sinh năm 1968; (Tòa án không triệu tập vì không liên quan đến kháng cáo)

Địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng, NI đơn ông Lê Văn O trình bày:

Cụ Lê Xuân N và cụ Nguyễn Thị S kết hôn năm 1962. Cụ N, cụ S sinh được 04 người con chung là: Lê Văn H, sinh năm 1963; Lê Văn V, sinh năm 1965; Lê Văn O, sinh năm 1966 và Lê Ngọc Y, sinh năm 1968. Cụ N, cụ S không có con riêng, con nuôi. Cụ Lê Xuân N hy sinh ngày 18/5/1968 trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, cụ Nguyễn Thị S chết năm 2021.

Nguồn gốc thửa đất thửa đất số 213, tờ bản đồ số 37, diện tích theo hiện trạng sử dụng là 1531,8m²; tại thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, theo cụ S kể lại là từ năm 1962 cụ N và cụ S lấy nhau và đã ở trên thửa đất đó (Đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Cụ N tái N và hy sinh năm 1968, không để lại di chúc. Sau khi cụ N hy sinh thì cụ S và 04 anh em ông vẫn tiếp tục ở trên thửa đất. Năm 1981 ông H xây dựng gia đình và ra ở riêng. Năm 1986 ông V đi bộ đội, đến khoảng năm 1989 thì ông V đi bộ đội về. Năm 1987 thì ông phá bỏ nhà cũ và xây 04 gian nhà cấp 4 mới để ở. Năm 1989 ông xây dựng gia đình với bà Triệu Thị XuY, vợ chồng tiếp tục chung sống cùng cụ S và các anh em trên thửa đất, năm 1994 thì vợ chồng ông mua đất, xây nhà và ra ở riêng. Năm 1993 bà Y lấy chồng và về ở nhà chồng ở xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Còn ông V tiếp tục ở cùng cụ S.

Khoảng năm 2009-2010 Nhà nước hỗ trợ gia đình chính sách sửa chữa, xây lại nhà mới, lúc đó ông V đang ở cùng cụ S thì ông V sử dụng tiền nhà nước hỗ trợ để xây lại căn nhà mới và ở từ đó đến nay. Sau khi xây nhà mới thì gia đình ông V và cụ S ở trên thửa đất. Năm 2021 cụ S chết, không để lại di chúc. Sau đó các anh em trong gia đình có họp để phân chia di sản thừa kế cụ N, cụ S để lại là thửa đất nêu trên, ông V nhất trí đất đai các cụ để lại chia đều cho 3 anh em trai, tuy nhiên không đồng ý mức bồi thường nhà cửa và cây cối trên đất. Nên từ đó đến nay vẫn không thống nhất được.

Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết phân chia di sản thừa kế cụ N, cụ S để lại là thửa đất thửa đất số 213, tờ bản đồ số 03, diện tích theo đo đạc hiện trạng là 1531,8m²; địa chỉ: Thôn N, xã

T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật. Nếu được hưởng di sản ông đề nghị được hưởng bằng hiện vật và sẽ bồi thường theo quy định của pháp luật đối với các tài sản trên đất mà vợ chồng ông V tạo lập.

Bị đơn ông Lê Văn V trình bày:

Cụ Lê Xuân N (hy sinh ngày 18/5/1968 trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước) và cụ Nguyễn Thị S (chết ngày 02/8/2021 ÂL) kết hôn năm 1962; cụ N, cụ S có 04 người con chung: Lê Văn H, sinh năm 1963; Lê Văn V, sinh năm 1965; Lê Văn O, sinh năm 1966; Lê Ngọc Y, sinh năm 1968. Cụ N, cụ S không có con riêng, con nuôi.

Thửa đất thửa đất số 213, tờ bản đồ số 37, diện tích theo hiện trạng sử dụng là 1531,8m²; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (Chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Ông được nghe cụ S kể lại là từ năm 1962 cụ N kết hôn với cụ S và đã ở trên thửa đất đó. Ông cũng sinh ra và lớn lên trên thửa đất đó. Tuy nhiên nguồn gốc thửa đất theo mọi người kể lại thì là của bố mẹ đẻ cụ N, cụ S để lại là cụ Lê Văn Bò và cụ Trần Thị Nở khai hoang, sau khi cụ N, cụ S lấy nhau thì được các cụ cho về ở trên thửa đất đó từ năm 1962.

Năm 1968 cụ N hy sinh, không để lại di chúc. Sau khi cụ N hy sinh thì cụ S và 04 anh em ông vẫn tiếp tục ở trên thửa đất. Năm 1981 ông H xây dựng gia đình và ra ở riêng. Năm 1986 ông đi bộ đội, đến năm 1989 thì về. Năm 1987 khi ông đi bộ đội thì ở nhà cụ S và các em có phá bỏ nhà cũ và xây 04 gian nhà cấp 4 mới để ở. Năm 1989 ông O xây dựng gia đình với bà Triệu Thị XuY, sinh năm 1969 và vợ chồng ông O tiếp tục chung sống cùng cụ S và các anh em trên thửa đất, năm 1994 thì vợ chồng ông O mua đất, xây nhà và ra ở riêng. Năm 1993 bà Y lấy chồng và về ở nhà chồng ở xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Còn ông từ khi đi bộ đội về tiếp tục ở cùng cụ S.

Năm 1995 ông kết hôn với bà Trần Thị N, sinh năm 1977 và có 02 con là Lê Thị G, sinh năm 1996 và Lê Văn N1, sinh năm 1998. Gia đình ông tiếp tục ở cùng cụ S. Khoảng năm 2008 Nhà nước hỗ trợ gia đình chính sách sửa chữa, xây lại nhà mới, lúc đó ông đang ở cùng cụ S thì ông sử dụng tiền nhà nước hỗ trợ và tiền của vợ chồng ông tích cóp để xây lại căn nhà mới và ở từ đó đến nay. Hiện nay gia đình ông gồm ông, vợ là bà Trần Thị N, con gái là Lê Thị G, con trai là Lê Văn N1 và con dâu là Đào Ngọc T, sinh năm 2003 đang chung ở trên thửa đất đang tranh chấp.

Năm 2009, cụ S có làm đơn xin chuyển quyền sử dụng thổ cư cho ông, có xác nhận của trưởng thôn, nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương. Hiện giấy tờ gốc ông không còn giữ nên không thể giao nộp cho Tòa án. Gia đình ông ở cùng cụ S và ông có đóng thuế nhà đất hàng năm cho nhà nước. Ông đã giao nộp phiếu thu sản phẩm bản đồ cho Tòa án. Sau khi xây

nhà mới thì gia đình ông và cụ S ở trên thửa đất. Năm 2021 cụ S chết, không để lại di chúc. Sau đó các anh em trong gia đình có họp để phân chia di sản thừa kế cụ N, cụ S để lại là thửa đất nêu trên, ông nhất trí đất đai các cụ để lại chia đều cho 3 anh em trai mỗi người 1/3, tuy nhiên không đồng ý mức bồi thường nhà cửa và cây cối trên đất. Nên từ đó đến nay các anh em vẫn không thống nhất được.

Nay ông O đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết phân chia di sản thừa kế cụ N, cụ S để lại là thửa đất thửa đất số 213, tờ bản đồ số 3, diện tích 1531,8m²; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật. Quan điểm của ông là cụ Lê Văn N chết năm 1968 đến nay đã hơn 50 năm. Ông đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu chia di sản thừa kế đối với vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và ông không đồng ý chia di sản thừa kế vì cụ S đã chuyển quyền sử dụng cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn H trình bày:

Thống nhất với trình bày của ông Lê Văn O về mối quan hệ hôn nhân, hàng thừa kế, thời điểm cụ N, cụ S chết. Đề nghị Tòa án giải quyết thừa kế theo quy định của pháp luật. Nếu được hưởng di sản của bố mẹ ông thì ông đề nghị được nhận bằng hiện vật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Ngọc Y trình bày:

Thống nhất với trình bày của N1 đơn, bị đơn về mối quan hệ hôn nhân, hàng thừa kế, thời điểm cụ N, cụ S chết. Nếu được hưởng di sản thừa kế của cụ N, cụ S thì bà từ chối nhận di sản và để lại cho ba anh trai là ông O, ông V và ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị N trình bày:

Thống nhất với trình bày của ông Lê Văn V. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị xem xét đến công sức tôn tạo, quản lý di sản của vợ chồng bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị G trình bày: Chị là con đẻ ông Lê Văn V và bà Trần Thị N. Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp chị không biết, từ khi sinh ra và lớn lên diện tích đất tranh chấp do ông V quản lý sử dụng, nộp thuế, đất có diện tích bao nhiêu, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hay chưa chị không nắm bắt được, trên đất ông V bà N đã xây nhà ở và các công trình, cây cối, chị không có đóng góp gì. Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quan điểm của ông V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn N1 trình bày: Anh là con đẻ ông Lê Văn V và bà Trần Thị N. Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp anh không biết, từ khi sinh ra và lớn lên diện tích đất tranh chấp do ông V quản lý sử dụng, nộp thuế, đất có diện tích bao nhiêu, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hay chưa anh không nắm bắt được, trên đất ông V bà N đã xây

nhà ở và các công trình, cây cối, anh không có đóng góp gì. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quan điểm của ông V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đào Ngọc T trình bày: Đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chị G có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Chị G trình bày: Chị là vợ anh Lê Văn N1 và là con dâu ông V, bà N. Chị đang ở chung cùng gia đình ông V, chị mới làm dâu nên không có công sức đóng góp gì đối với toàn bộ nhà, đất, tài sản của gia đình ông V đang quản lý. Chị không có đề nghị gì về những tài sản các đương sự đang tranh chấp.

Tòa án sơ thẩm có triệu tập chị tham gia tố tụng nhưng chị đi làm công ty nên không có thời gian đến Tòa án huyện Tam Đảo làm việc.

Quá trình làm việc UBND xã T đã cung cấp: Về hàng thừa kế, nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp.

Sổ mục kê: Trang 157, tờ bản đồ số 03, thửa đất số 83, diện tích 1248m² (trong đó đất ONT là 1248m²) không có tên chủ sử dụng.

Bản đồ 299: Tờ bản đồ số 03, thửa đất số 83, diện tích 1248m²; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bản đồ VN 2000: Thửa số 273, tờ bản đồ số 37 diện tích 1525,4m²; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; quy chủ tên Nguyễn Thị S.

N1 nhân khác nhau về diện tích các thửa đất theo Bản đồ 299 và VN 2000 là do đo sai số đo đạc, phương pháp đo vẽ hai loại bản đồ khác nhau; diện tích đất tăng thêm không có tranh chấp, không lấn chiếm của ai và không nằm trong quy hoạch.

Nguồn gốc thửa đất số 273 tờ bản đồ số 37 tại thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc từ khoảng những năm 1960 cụ N, cụ S kết hôn thì ở trên thửa đất. Thửa đất thuộc diện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nếu được cấp thì sẽ căn cứ bản đồ 299 để xác định nguồn gốc.

Quan điểm của địa phương nguồn gốc diện đất tranh chấp là của cụ Lê Văn N và cụ Nguyễn Thị S, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia di sản của ông Lê Văn O.
2. Xác định di sản của cụ Nguyễn Thị S để lại là thửa đất có diện tích 765,9m² (Trong đó có 200m² đất thổ cư và 565,9m² đất trồng cây lâu năm) theo

mốc giới là 3A, 4, 5, 6, 7, 8, 8D tại thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chia thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Thị S cho:

Ông Lê Văn H được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 200m² (Trong đó có: 55m² đất thổ cư, 145m² đất trồng cây lâu năm) theo mốc giới có ký hiệu 3C, 4 = 5,61m; 4, 8A = 36,04m; 8A, 8B = 5,67m; 8B, 3C = 35,26m tại thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc cùng toàn bộ tài sản trên đất.

Ông Lê Văn O được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 200m² (Trong đó có: 55m² đất thổ cư, 145m² đất trồng cây lâu năm) theo mốc giới 4, 5 = 5,65m; 5, 6 = 0,39m; 6, 7 = 35,74m; 7, 8 = 3,92m; 8, 8A = 2,11m; 8A, 4 = 36,04 tại thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc cùng toàn bộ tài sản trên đất.

Ông Lê Văn V được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 200m² (Trong đó có: 55m² đất thổ cư, 145m² đất trồng cây lâu năm) theo mốc giới 3B, 3C = 5,73m; 3C, 8B = 35,26m; 8B, 8C = 5,79m; 8C, 3B = 5,79m tại thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc cùng toàn bộ tài sản trên đất.

Trích cho vợ chồng ông Lê Văn V, bà Trần Thị N công sức quản lý, duy trì, tôn tạo di sản: Quyền sử dụng diện tích 165,9m² (Trong đó có 35m² đất thổ cư và 130,9m² đất trồng cây lâu năm) theo mốc giới 3A, 3B = 4,95; 3B, 8C = 34,47m; 8C, 8D = 5,00m; 8D, 3A = 33,79m cùng toàn bộ tài sản trên đất.

3. Giao cho ông Lê Văn V quản lý phần tài sản của cụ Lê Xuân N là Quyền sử dụng thửa đất có diện tích 765,9m² (trong đó: 200m² đất thổ cư và 565,9m² đất trồng cây lâu năm) theo mốc giới ký hiệu từ 1, 2, 3, 3A, 8D, 9, 10, 1 tại thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc cùng toàn bộ tài sản trên đất.

(Các thửa đất trên có sơ đồ kèm theo)

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10 tháng 10 năm 2023 ông Lê Văn O và ông Lê Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chia lại di sản thừa kế mà bố mẹ để lại theo sơ đồ và hình dạng hợp lý, đảm bảo tính công công bằng, phù hợp pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm tất cả các đương sự đều công nhận thửa đất số 213, tờ bản đồ số 37, diện tích theo hiện trạng sử dụng là 1531,8m², tại thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc có nguồn gốc của cụ Lê Xuân N và cụ Nguyễn Thị S để lại, chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay gia đình ông Lê Văn V đang quản lý toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất. Nay, các đương sự đều thỏa thuận và đề nghị Hội đồng xét xử chia di sản của cụ Lê Xuân N và cụ Nguyễn Thị S cho ông Lê Văn O, ông Lê Văn H và ông Lê Văn V như sau:

- Chia cho ông Lê Văn O 255,3m² đất (Trong đó có 100m² đất ở và 155,3m² đất trồng cây lâu năm) có chiều rộng giáp đường liên thôn chạy vào phía đất ông Mỹ, chiều dài giáp đất nhà ông Đức và phần đất chia cho ông H;

- Chia cho ông Lê Văn H 255,3m² đất (Trong đó có 100m² đất ở và 155,3m² đất trồng cây lâu năm) có chiều rộng giáp đường liên thôn chạy vào phía đất ông Mỹ, chiều dài giáp đất chia cho ông O và ông V;

- Chia cho ông Lê Văn V 1021,2m² đất còn lại (Trong đó có 200m² đất ở và 821,2m² đất trồng cây lâu năm) có chiều rộng giáp đường liên thôn chạy vào phía đất ông Mỹ, chiều dài giáp đất chia cho ông H và đường xóm.

- Ông O, ông H, ông V được sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối lâm lộc có trên phần đất được chia. Ông O phải thanh toán cho ông V 50.000.000đ và ông H phải thanh toán cho ông V 50.000.000đ tiền tài sản trên đất và công duy trì, tôn tạo di sản.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo sự thỏa thuận của các đương sự: Chia cho ông Lê Văn O 255,3m² đất (Trong đó có 100m² đất ở và 155,3m² đất trồng cây lâu năm); chia cho ông Lê Văn H 255,3m² đất (Trong đó có 100m² đất ở và 155,3m² đất trồng cây lâu năm); chia cho ông Lê Văn V 1021,2m² đất còn lại (Trong đó có 200m² đất ở và 821,2m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 37, diện tích theo hiện trạng sử dụng là 1531,8m², tại thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc có nguồn gốc của cụ Lê Xuân N và cụ Nguyễn Thị S để lại. Ông O, ông H, ông V được sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối, lâm lộc trên phần đất được chia. Ông O phải thanh toán cho ông V 50.000.000đ và ông H phải thanh toán cho ông V 50.000.000đ tiền công sức, quản lý tôn tạo đất và tài sản trên đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn O và ông Lê Văn H kháng cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Ông O và ông H kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia lại di sản thừa kế mà bố mẹ để lại theo sơ đồ và hình dạng hợp lý, đảm bảo tính công bằng, phù hợp pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm tất cả các đương sự đều thỏa thuận được việc chia di sản thừa kế và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận:

- Chia cho ông Lê Văn O 255,3m² đất (Trong đó có 100m² đất ở và 155,3m² đất trồng cây lâu năm) có chiều rộng giáp đường liên thôn chạy vào phía đất ông Mỹ, chiều dài giáp đất nhà ông Đức và phần đất chia cho ông H;

- Chia cho ông Lê Văn H 255,3m² đất (Trong đó có 100m² đất ở và 155,3m² đất trồng cây lâu năm) có chiều rộng giáp đường liên thôn chạy vào phía đất ông Mỹ, chiều dài giáp đất chia cho ông O và ông V;

- Chia cho ông Lê Văn V 1021,2m² đất còn lại (Trong đó có 200m² đất ở và 821,2m² đất trồng cây lâu năm) có chiều rộng giáp đường liên thôn chạy vào phía đất ông Mỹ, chiều dài giáp đất chia cho ông H và đường xóm.

- Ông O, ông H, ông V được sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối lâm lộc trên phần đất được chia. Ông O phải thanh toán cho ông V 50.000.000đ và ông H phải thanh toán cho ông V 50.000.000đ tiền công sức, quản lý tôn tạo đất và tài sản trên đất.

Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, hợp pháp, gìn giữ được tình cảm anh em, con cháu trong gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự và sửa bản án sơ thẩm theo sự thỏa thuận của các đương sự nói trên. Việc sửa bản án sơ thẩm trên cơ sở thỏa thuận của đương sự nên Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi do bị sửa bản án.

Trên cơ sở thỏa thuận của các đương sự, Tòa án chia ba thửa đất có diện tích như đương sự đã thỏa thuận và mỗi thửa đất đều có một chiều rộng giáp mặt đường liên thôn, thuận tiện cho việc đi lại, sinh hoạt của các đương sự (Có sơ đồ kèm theo bản án). Ông O, ông H, ông V được sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối lâm lộc trên phần đất được chia.

Trên phần đất ông O được chia có một số cây cối, lâm lộc và một phần chuồng trại chăn nuôi, mái tôn, tường bao loan... do gia đình ông V tạo dựng được nên ông O phải thanh toán cho ông V 50.000.000đ công sức, quản lý tôn tạo đất và tài sản trên đất.

Trên phần đất ông H được chia có một số cây cối, lâm lộc và một phần chuồng trại chăn nuôi, mái tôn, cổng, tường bao loan, giếng khoan, đường bê

tông... do gia đình ông V tạo dựng được nên ông H phải thanh toán cho ông V 50.000.000đ công sức, quản lý tôn tạo đất và tài sản trên đất.

Ông V được sở hữu toàn bộ tài sản là cây cối, lâm lộc, nhà, bếp, công trình phụ, sân lát gạch đỏ, tường bao loan..., trên phần đất ông được chia.

[3] Về chi phí thẩm định giá: N1 đơn tự nguyện nộp toàn bộ nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì các đương sự là con liệt sĩ nên không phải chịu án phí.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự là con liệt sĩ nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Căn cứ Điều 611, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651, 658, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

2.1. Chia cho ông Lê Văn O được quyền sử dụng diện tích 255,3m² đất (Trong đó có 100m² đất ở và 155,3m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 213, tờ bản đồ số 37 (VN 2000) tại thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc cùng toàn bộ tài sản trên đất (Mốc giới có ký hiệu 6B,7,8,9,10,11,12,12A,6B trên sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án). Ông Lê Văn O được sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối, lâm lộc trên diện tích thửa đất được chia.

2.2. Chia cho ông Lê Văn H được quyền sử dụng diện tích 255,3m² đất (Trong đó có 100m² đất ở và 155,3m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 213, tờ bản đồ số 37 (VN 2000) tại thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc cùng toàn bộ tài sản trên đất (Mốc giới có ký hiệu 6A,6B,12A,13,13A,6A trên sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án). Ông Lê Văn H được sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối, lâm lộc trên diện tích thửa đất được chia.

2.3. Chia cho ông Lê Văn V được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 1021,2m² (Trong đó có 200m² đất ở và 821,2m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 213, tờ bản đồ số 37 (VN 2000) tại thôn N, xã T, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc cùng toàn bộ tài sản trên đất (Mốc giới có ký hiệu

1,2,3,4,5,6,6A,13A,14,15,1 trên sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án). Ông Lê Văn V được sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối, lâm lộc trên diện tích thửa đất được chia.

2.4. Ông Lê Văn O có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Văn V 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền tài sản trên đất và công duy trì, tôn tạo di sản.

2.5. Ông Lê Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Văn V 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền tài sản trên đất và công duy trì, tôn tạo di sản.

3. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán đủ khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn V, Lê Văn O, Lê Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn V, Lê Văn O, Lê Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

6. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo qui định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành

